

BGD 500

Hướng dẫn sử dụng thiết bị bám
dính màng sơn Phần 1



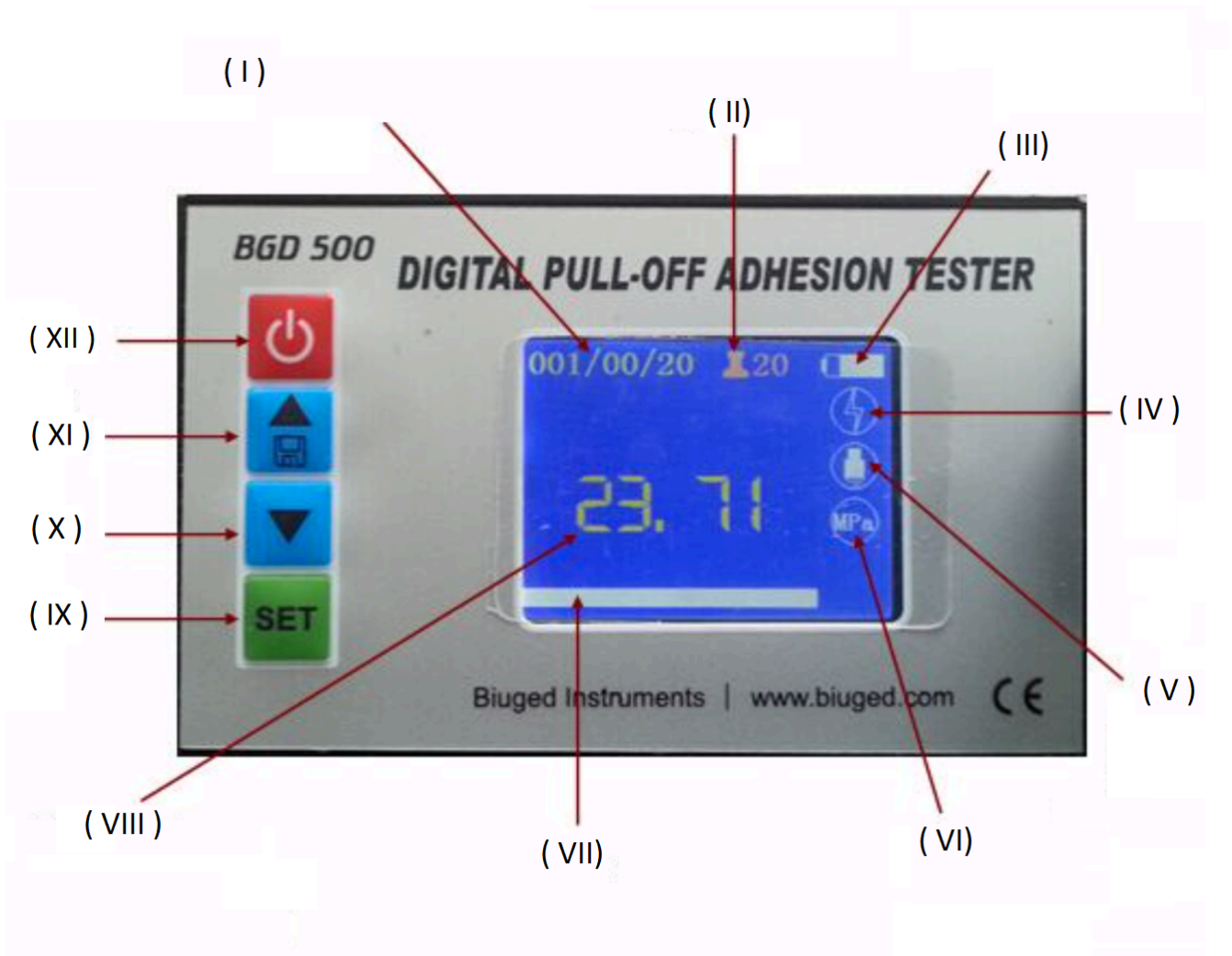
标格达精密仪器（广州）有限公司



5. 0 THAO TÁC TRÊN MÀN HÌNH CHÍNH

5.1 GIỚI THIỆU VỀ GIAO DIỆN

NHẤN CÔNG TẮC (XII) TRÊN BỘ ĐIỀU KHIỂN VÀ MÀN HÌNH SẼ HIỂN THỊ NHƯ SAU :



(I) – Hiện thị số liệu đã được lưu: dấu gạch chéo lần lượt hiện thị “ nhóm kết quả số máy/kết quả thí nghiệm số máy/ kết quả thí nghiệm số máy

(II) Kích cỡ của mẫu nhỏ đang tiến hành thí nghiệm

(III) hiện thị thời lượng pin: khi máy hết điện thì icon của pin sẽ chuyển sang màu đỏ và sẽ nhấp nháy

(IV) Hiện thị trạng thái pin khi sạc : khi chưa sạc pin icon hiện màu trắng, khi sạc được pin thì chuyển màu đỏ, đồng thời biểu tượng thể hiện thời lượng pin chuyển sang màu xanh lá cây hiển thị là pin đang được sạc.

(V) Giác cắm USB : Khi máy kết nối thành công với máy tính, biểu tượng này từ màu trắng chuyển sang màu xanh lá cây.

(VI) Đơn vị đo lực

(VII) Tiến độ tăng gia tốc của lực nhỏ của máy bảm dính sơn : tốc độ càng nhanh, dòng hiển thị tiến độ càng dài. Lưu ý: Khi tốc độ vượt quá 1 Mpa/h thì dòng hiển thị trên chuyển sang màu đỏ (vượt ngưỡng)

(VIII) Chỉ số lực đo độ bám dính hiện tại (lực nhỏ mẫu)

(IX) Cài đặt

(X) Chuyển động xuống

- (XI) Chuyển động lên hoặc save (lưu lại)
- (XII) Nút nguồn

5.2 CÀI ĐẶT THÔNG SỐ DỮ LIỆU Ở MÀN HÌNH


Nhấn nút “SET” CÀI ĐẶT trên bảng điều khiển để vào giao diện chính cài đặt tham số, có thể đặt sáu tham số. Phong chữ màu đỏ biểu thị tham số đã chọn. Tham số sẽ được chọn bởi icon ▲ hoặc icon ▼, và sau đó nhấn cài đặt trên giao diện để vào giao diện phụ để đặt tham số đã chọn. Bấm nhanh nút nguồn (tương đương với nút quay lại hoặc nút hủy) để thoát giao diện cài đặt đã chọn và tắt cả các giao diện phụ.



图 6-2 参数设置主界面
hình 6-2 các thông số hiển thị trên bảng điều khiển

5.1.1 Lưu trữ dữ liệu

Lưu trữ dữ liệu thông qua USB lưu trữ chế độ bảng Excel, nghĩa là người dùng có thể trực tiếp đọc dữ liệu trực tiếp mà không cần cài đặt bất kỳ phần mềm nào.

Khi thiết bị được kết nối với cổng USB của máy tính, một biểu tượng nhỏ  xuất hiện trên màn hình thiết bị cho biết kết nối đã thành công. Kích thước lưu trữ dữ liệu bộ nhớ của thiết bị là 2MB và lượng dữ liệu có thể được lưu trữ có thể lên tới hàng chục nghìn, đáp ứng đầy đủ nhu cầu kiểm tra hàng ngày của người dùng.

Mở ổ cứng di động của máy tính và bạn sẽ tìm thấy định dạng dữ liệu được lưu trữ, như hiển thị bên dưới

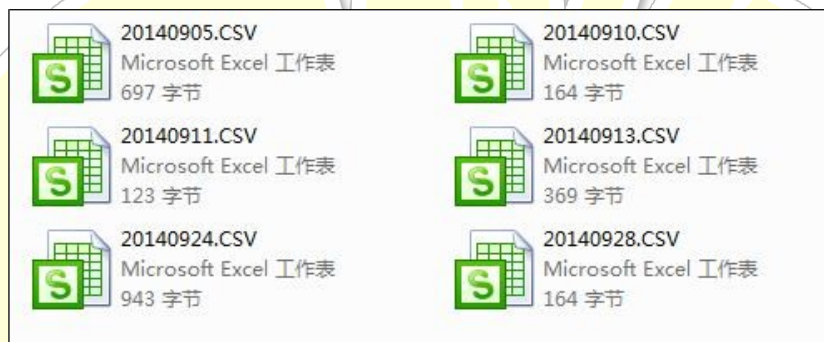


图 6-3 数据文件

Dữ liệu được lưu trữ theo ngày và mỗi ngày tương ứng với một tệp. Tất cả dữ liệu được đo trong cùng một ngày sẽ được lưu vào tệp của ngày tương ứng. Lần đầu tiên sử dụng máy, bạn cần sửa đổi ngày và giờ phù hợp theo giờ địa phương

A	B	C	D	E	F	G
时间	组号	次数	总数	锭子	单位	数据
10:54:12	1	1	9	20 MPa		0.06
10:54:17	1	2	9	20 MPa		0.14
10:54:23	1	3	9	20 MPa		0.79
11:17:03	1	4	9	20 MPa		0.95
11:17:06	1	5	9	20 MPa		1.14
11:17:10	1	6	9	20 MPa		1.4
11:17:13	1	7	9	20 MPa		1.56
11:17:17	1	8	9	20 MPa		1.91
11:17:19	1	9	9	20 MPa		2.09
11:17:20	2	1	9	20 MPa		2.27
11:17:21	2	2	9	20 MPa		2.45

Dữ liệu được hiển thị dưới dạng bảng EXCEL:

- A. Thời gian: giờ: phút: giây
- B. Số nhóm kết quả: phân nhóm kết quả thí nghiệm sau khi thực hiện
- C. Số lần: lần đo thứ n trong một nhóm
- D. Tổng số: tổng số lần đo lấy được kết quả trong mỗi nhóm
- E. Mẫu nhỏ kích thước đường kính mẫu nhỏ, đơn vị mm

F. Đơn vị: đơn vị đo khi nhỏ mẫu

G. Dữ liệu: Dữ liệu thử nghiệm được lưu trong quá trình đo

5.1.2 Giao diện xử lý dữ liệu

Mở Menu dữ liệu và giao diện hiển thị trong Hình a sẽ xuất hiện, chúng ta có thể lựa chọn “查询” “tìm kiếm”, “ xóa”“删除” dữ liệu. lựa chọn công cụ tìm kiếm thì hình b sẽ xuất hiện, sau đó tự sắp xếp trình tự nhóm kết quả tìm kiếm dữ liệu, sử dụng nút bấm “▲” or “▼” nút lên nút xuống để chọn các nhóm khác nhau, ấn “SET”“设置” để vào phần xử lý dữ liệu (ảnh C),

b Giao diện được hiển thị được sử dụng để nhắc nhở số nhóm dữ liệu cần truy vấn. Chọn nhóm bằng cách “or hoặc hoặc ▼ để di chuyển, nhấn nút SET “设置” để vào giao diện xử lý dữ liệu (Hình c). Nếu không có dữ liệu nào được lưu, Sẽ nhắc nhở bạn rằng các tập tin đã không được tìm thấy. Nếu bạn chọn tùy chọn xóa, hãy chuyển đến giao diện hiển thị trong Hình d để nhắc bạn xóa dữ liệu trong ngày hoặc tất cả dữ liệu. Nhấn nhanh nút Power “电源” để trở về menu trước.

“?”或“?”

hình b : ấn nút "SET"



图 a

Nhấn nút ,▼ (xuống) di chuyển đến chữ 删除 (xóa) khi đó sẽ hiện màu đỏ sau đó nhấn chữ "SET"



图 d



THỜI GIAN|MẪU NHỎ|ĐƠN VỊ ĐO|SỐ LIỆU

THỜI GIAN	MẪU NHỎ	ĐƠN VỊ ĐO	SỐ LIỆU
15:05	20	Mpa	3.52
15:13	20	Mpa	3.43
15:15	20	Mpa	3.54
15:22	20	Mpa	3.48

页: 01/02

图 c

6.4 CÀI ĐẶT MẪU NHỎ

Nhấn vào phần cài đặt mẫu nhỏ ta sẽ được giao diện như trong hình, Ấn “▲”或“▼” để chọn kích thước mẫu nhỏ hiện được chọn và nhấn “SET” “设置” để xác nhận. Nhấn nút Power “电源” để trở về menu trước.



图 6-4 锭子设定界面
Ảnh 6-4 cài đặt mẫu nhỏ trên màn hình



图 6-5 组数操作界面
ảnh 6-5 thao tác cài đặt nhóm kết quả trên màn hình

6.5 Thao tác chọn số nhóm kết quả

Nhấn vào đây để nhập cài đặt số nhóm, sử dụng nút ▲” hoặc “▼” để di chuyển để chọn một nhóm dữ liệu, nhấn vào SET 设置 để xác nhận. Trong quá trình thử nghiệm, khi dữ liệu của nhóm đầy, nó sẽ tự động chuyển sang nhóm tiếp theo. Nhấn nhanh nút Power 电压 để trở về menu trước.

6.6 Cài đặt đơn vị đo

Nhấn vào đây để vào giao diện phụ cài đặt đơn vị, sử dụng, ▲ hoặc ▼, để di chuyển để chọn đơn vị kéo theo yêu cầu, nhấn CÀI ĐẶT để xác nhận, nhấn nhanh nút Power để trở về menu trước.

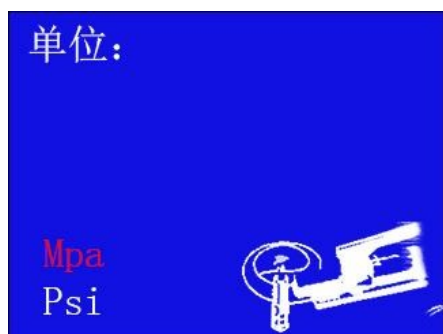


图 6-6 单位设定界面 cài đặt đơn vị đo

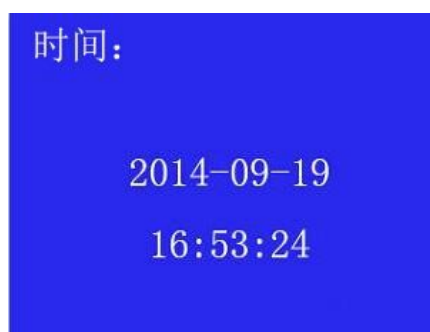


图 6-7 时间设定界面 cài đặt thời gian

6.7 Cài đặt thời gian

Nhấp để vào giao diện phụ cài đặt thời gian, số nhập nháy hiện tại được đặt số, sửa đổi giá trị bằng cách “▲” hoặc “▼”, nhấn cài đặt SET để xác nhận và tự động chuyển sang cài đặt chữ số tiếp theo cho đến khi tất cả các chữ số Cả hai đều được thiết lập. Nhấn nhanh nút Power để trở về menu trước.

6.8 Cài đặt ngôn ngữ

点击进入语言设置子界面，通过“▲”或“▼”移动来选择所需要的语言，按“SET”确定，短按“电源”键返回上一级菜单。（ Thao tác tương tự cài đặt thời gian）



图 6-8 语言设定界面 Cài đặt ngôn ngữ

6.9 Tắt máy

Ấn một lúc lâu nút nguồn, hoặc là 10 phút sau máy tự động tắt.